



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 36 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305246978, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BSC theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 39 140 930
- Fax : (84-28) 39 140 934

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết là mua bán lương thực – thực phẩm, lâm – thủy – hải sản, bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết là bán máy vi tính, phần mềm.
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên danh. Chi tiết là Mua bán các mặt hàng gia dụng;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết là mua bán quần áo, giày dép;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết là mua bán hương liệu, rượu, bia, nước giải khát;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết là kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản), đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, căn hộ, nhà xưởng, kho bãi;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết là tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy. Chi tiết là sửa chữa, bảo hành xe gắn máy và phụ tùng, sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống lái lửa tự động, bảo dưỡng thông thường, sửa chữa thân xe, sửa chữa các bộ phận của ô tô, rửa xe, đánh bóng, (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Quảng cáo. Chi tiết là kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết là kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết là nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết là đại lý bảo hiểm;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết là kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết là kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết là xây dựng công trình dân dụng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết là mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết là mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực - thực phẩm, lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thụ công nghiệp, máy móc - thiết bị - phụ tùng - vật tư ngành công - nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát. bán buôn vỏ xe;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết là mua bán văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết là mua bán lương thực - thực phẩm, lâm - thủy - hải sản; bán buôn cây cảnh, hoa (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết là dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết là tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết là xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết là kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính. Chi tiết là lắp ráp linh kiện vi tính (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết là lắp ráp camera, thiết bị báo động - báo cháy;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết là lắp ráp thiết bị điện tử (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết là bán buôn thiết bị camera quan sát, thiết bị báo động - báo cháy. bán buôn camera;
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết là hoạt động trang trí nội thất;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết là bán buôn, xuất nhập khẩu rau, quả, trái cây (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết là bán buôn, bán lẻ xăm lốp, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ các loại xe có động cơ;
- Hoạt động bảo vệ tư nhân. Chi tiết là dịch vụ bảo vệ;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết là dịch vụ vệ sinh công ty (trừ dịch vụ xông hơi khử trùng);

1062
CÔNG
CỔ P
DỊCH
NT
- TP.H

03004
CÔ
ÁCH NH
M TOÁ
A
TINH-7

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Lê Văn Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Hoàng Phong Giao | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Lê Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Bùi Minh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2016 |
| Ông Trương Quang Thống | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2016 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Từ Văn Trí | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Đoàn Thị Phương Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Lê Dũng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2020 |
| Ông Trương Quang Thống | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Lê Dũng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lê Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2021



Số: 1.1446/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 9 năm 2021, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Hồ Văn Lung - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 36.042.468.994 | 35.294.567.553 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.447.574.800 | 2.613.219.474 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.447.574.800 | 2.613.219.474 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 30.000.000.000 | 28.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 30.000.000.000 | 28.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.169.745.088 | 4.295.486.090 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 369.577.419 | - |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 38.500.000 | 209.750.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 3.542.071.330 | 4.866.139.751 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (780.403.661) | (780.403.661) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 26.827.500 | 26.827.500 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (26.827.500) | (26.827.500) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 425.149.106 | 385.861.989 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 380.200.000 | 280.000.000 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.10 | 44.949.106 | 105.861.989 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.988.173.078 | 5.044.109.337 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | V.9 | 33.558.364 | 83.895.862 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 33.558.364 | 83.895.862 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.807.271.000 | 2.807.271.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.773.712.636) | (2.723.375.138) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 97.200.000 | 97.200.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (97.200.000) | (97.200.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 1.472.556.116 | 1.523.408.000 |
| - Nguyên giá | 231 | | 3.799.189.568 | 3.799.189.568 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (2.326.633.452) | (2.275.781.568) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 1.651.592.179 | 3.400.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 3.975.138.055 | 3.975.138.055 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 878.238.342 | 878.238.342 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (3.201.784.218) | (1.453.376.397) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 830.466.419 | 36.805.475 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 780.000.002 | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.11 | 50.466.417 | 36.805.475 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 40.030.642.072 | 40.338.676.890 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.425.263.851 | 2.666.070.626 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.839.263.851 | 2.520.070.626 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 372.776.788 | 239.963.328 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.13 | 40.000.000 | 316.336.443 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 128.304.710 | 12.000.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | 245.026.950 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 1.069.918.462 | 1.498.215.822 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 228.263.891 | 208.528.083 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 586.000.000 | 146.000.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 586.000.000 | 146.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

8976
 TY
 AN
 VU
 HAN
 9815
 TY
 HUU
 VA TU
 C
 HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 37.605.378.221 | 37.672.606.264 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 37.605.378.221 | 37.672.606.264 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.17 | 31.507.470.000 | 31.507.470.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 31.507.470.000 | 31.507.470.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.17 | 3.176.694.781 | 3.046.458.973 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.17 | 2.921.213.440 | 3.118.677.291 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 2.858.205.675 | 3.118.677.291 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 63.007.765 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 40.030.642.072 | 40.338.676.890 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2021



Nguyễn Thị Kim Nga
Người lập



Nguyễn Ngọc Liên Khương
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 4.488.006.421 | 8.994.152.082 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 4.488.006.421 | 8.994.152.082 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.954.184.281 | 5.172.584.848 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2.533.822.140 | 3.821.567.234 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.179.141.615 | 825.602.938 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.748.407.821 | 188.658.603 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | 75.677.125 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 1.854.296.271 | 3.626.518.078 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 110.259.663 | 756.316.366 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 43 | 236.365.793 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 43 | 236.365.793 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 110.259.706 | 992.682.159 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 60.912.883 | 165.689.803 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.11 | (13.660.942) | 53.246.629 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>63.007.765</u> | <u>773.745.727</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.6 | <u>17</u> | <u>210</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.6 | <u>17</u> | <u>210</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2021


 Nguyễn Thị Kim Nga
 Người lập


 Nguyễn Ngọc Liên Khương
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Lê Dũng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 110.259.706 | 992.682.159 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9,10 | 101.189.382 | 104.165.594 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2b | 1.748.407.821 | 188.658.603 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (908.641.615) | (1.061.966.574) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1.051.215.294 | 223.539.782 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 1.145.362.104 | (143.346.846) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | 978.975 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (371.455.466) | (775.584.951) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (880.200.002) | (498.398.720) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (85.894.857) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 5.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.16 | (110.500.000) | (77.250.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 884.421.930 | (1.350.956.617) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | 279.518.712 |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (30.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 28.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3,V.5 | 949.933.396 | 234.145.404 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.050.066.604) | (6.486.335.884) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (165.644.674) | (7.837.292.501) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 2.613.219.474 | 9.217.997.223 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 2.447.574.800 | 1.380.704.722 |


 Nguyễn Thị Kim Nga
 Người lập


 Nguyễn Ngọc Liên Khương
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2021

 Nguyễn Lê Dũng
 Tổng Giám đốc

1b2
 ON
 OF
 ICH
 T.
 4498
 NG 1
 HIỆM H
 N VÀ
 &
 T.P.V

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê mặt bằng, cho thuê phòng, cho thuê kho bãi, bán hoa tươi và phụ tùng xe máy.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---------------------------|---|
| Trung tâm dịch vụ kho vận | 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |

Công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|----------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành | Tầng 1, 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Kinh doanh thương mại | 38,34% | 38,34% | 50% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành | Lô II.11, đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh dịch vụ ăn uống | 20% | 20% | 20% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 13 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 13 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng hóa tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là Nhà sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 25-55 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 43.754.000 | 23.605.000 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.403.820.800 | 2.589.614.474 |
| Cộng | 2.447.574.800 | 2.613.219.474 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> | 3.975.138.055 | (2.323.545.876) | 3.975.138.055 | (575.138.055) |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽ⁱ⁾ | 575.138.055 | (575.138.055) | 575.138.055 | (575.138.055) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾ | 3.400.000.000 | (1.748.407.821) | 3.400.000.000 | - |
| <i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i> | 878.238.342 | (878.238.342) | 878.238.342 | (878.238.342) |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bất động sản Bến Thành – Đức Khải ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 878.238.342 | (878.238.342) | 878.238.342 | (878.238.342) |
| Cộng | 4.853.376.397 | (3.201.784.218) | 4.853.376.397 | (1.453.376.397) |

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310074516 ngày 21 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành 750.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 575.138.055 VND, tương đương 38,34% vốn điều lệ (số đầu năm là 575.138.055 VND, tương đương 38,34% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành là 174.861.945 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315958861 ngày 14 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành 13.600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.400.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.400.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành là 10.200.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103013084 ngày 20 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bất động sản Bến Thành – Đức Khải 878.238.342 VND, tương đương 6,3% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 878.238.342 VND, tương đương 6,3% vốn điều lệ (số đầu năm là 878.238.342 VND, tương đương 6,3% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành – Đức Khải đang chuẩn bị giải thể.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 1.453.376.397 | 2.794.917.830 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.748.407.821 | 188.658.603 |
| Số cuối kỳ | <u>3.201.784.218</u> | <u>2.983.576.433</u> |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành | | |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng | 90.000.000 | - |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|------------|
| Phải thu các bên liên quan | <u>96.500.000</u> | - |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành | 16.500.000 | - |
| Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV | 80.000.000 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | <u>273.077.419</u> | - |
| Bà Phạm Thị Diễm Phương | 92.400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Red – House | 180.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 677.419 | - |
| Cộng | <u>369.577.419</u> | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------|-------------------|--------------------|
| Công ty TNHH T.A.L | - | 196.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 38.500.000 | 13.750.000 |
| Cộng | 38.500.000 | 209.750.000 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu bên liên quan | 47.836.856 | (47.836.856) | 47.836.856 | (47.836.856) |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành - Phải thu tiền cổ tức | 47.836.856 | (47.836.856) | 47.836.856 | (47.836.856) |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 3.494.234.474 | (732.566.805) | 4.818.302.895 | (732.566.805) |
| Nguyễn Thị Huỳnh Trang - Tạm ứng thực hiện thủ tục pháp lý dự án | 30.000.000 | - | 592.831.000 | - |
| Cam Thị Lệ Nga - Tạm ứng thực hiện thủ tục pháp lý dự án | 2.053.528.688 | - | 2.768.277.688 | - |
| Lãi dự thu | 564.821.918 | - | 606.113.699 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 845.883.868 | (732.566.805) | 851.080.508 | (732.566.805) |
| Cộng | 3.542.071.330 | (780.403.661) | 4.866.139.751 | (780.403.661) |

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-----------------------------|--------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Bên liên quan | | 47.836.856 | - | | 47.836.856 | - |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành | | 47.836.856 | - | | 47.836.856 | - |
| Phải thu tiền cổ tức | <i>Có khả năng tổn thất</i> | 47.836.856 | - | <i>Có khả năng tổn thất</i> | 47.836.856 | - |
| Tổ chức và cá nhân khác | | 732.566.805 | - | | 732.566.805 | - |
| Tổng công ty cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn | | 732.566.805 | - | | 732.566.805 | - |
| Phải thu tiền đầu tư dự án | <i>Có khả năng tổn thất</i> | 732.566.805 | - | <i>Có khả năng tổn thất</i> | 732.566.805 | - |
| Cộng | | 780.403.661 | - | | 780.403.661 | - |

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chỉ có hàng hóa đã lập dự phòng toàn bộ.

8. Chi phí trả trước

Chi phí sửa chữa tài sản cho thuê ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 1.325.446.000 | 55.160.000 | 805.400.000 | 621.265.000 | 2.807.271.000 |
| Số cuối kỳ | <u>1.325.446.000</u> | <u>55.160.000</u> | <u>805.400.000</u> | <u>621.265.000</u> | <u>2.807.271.000</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.325.446.000 | 55.160.000 | - | 621.265.000 | 2.001.871.000 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 1.325.446.000 | 55.160.000 | 721.504.138 | 621.265.000 | 2.723.375.138 |
| Khấu hao trong kỳ | - | - | 50.337.498 | - | 50.337.498 |
| Số cuối kỳ | <u>1.325.446.000</u> | <u>55.160.000</u> | <u>771.841.636</u> | <u>621.265.000</u> | <u>2.773.712.636</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | - | - | 83.895.862 | - | 83.895.862 |
| Số cuối kỳ | - | - | <u>33.558.364</u> | - | <u>33.558.364</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Nhà |
|------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 3.799.189.568 |
| Số cuối kỳ | <u>3.799.189.568</u> |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | 759.789.626 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 2.275.781.568 |
| Khấu hao trong kỳ | 50.851.884 |
| Số cuối kỳ | <u>2.326.633.452</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 1.523.408.000 |
| Số cuối kỳ | <u>1.472.556.116</u> |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Mặt bằng chợ Tam Bình | 659.700.000 | 437.619.166 | 222.080.834 |
| Mặt bằng chợ Bình Điền | 1.446.945.500 | 441.318.408 | 1.005.627.092 |
| Nhà 75-77 Calmette | 1.692.544.068 | 1.447.695.878 | 244.848.190 |
| Cộng | <u>3.799.189.568</u> | <u>2.326.633.452</u> | <u>1.472.556.116</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 36.805.475 | 178.761.800 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 13.660.942 | (53.246.629) |
| Số cuối kỳ | 50.466.417 | 125.515.171 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã | Phải nộp | Phải thu |
| | | | | thực nộp | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 45.221.291 | - | 221.770.762 | (97.918.214) | 169.073.839 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 105.861.989 | 60.912.883 | - | - | 44.949.106 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 8.499.009 | - | 17.802.391 | (8.841.479) | 17.459.921 | - |
| Tiền thuê đất | 184.027.375 | - | 451.269.710 | (451.269.710) | 184.027.375 | - |
| Các loại thuế khác | 2.215.653 | - | 4.000.000 | (4.000.000) | 2.215.653 | - |
| Cộng | 239.963.328 | 105.861.989 | 755.755.746 | (562.029.403) | 372.776.788 | 44.949.106 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 110.259.706 | 992.682.159 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 378.332.085 | 729.575.855 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (184.027.375) | (893.808.999) |
| Thu nhập tính thuế | 304.564.416 | 828.449.015 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 60.912.883 | 165.689.803 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người lao động

Lương và thưởng còn phải trả cho nhân viên.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Trích trước tiền thuê | 68.304.710 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 60.000.000 | 12.000.000 |
| Cộng | <u>128.304.710</u> | <u>12.000.000</u> |

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>30.000.000</i> | <i>30.000.000</i> |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 30.000.000 | 30.000.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>1.039.918.462</i> | <i>1.468.215.822</i> |
| Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất- Phải trả tiền nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng | - | 300.000.000 |
| Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng các khách hàng khác | 924.000.000 | 1.134.400.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 25.654.467 | 25.654.467 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 90.263.995 | 8.161.355 |
| Cộng | <u>1.069.918.462</u> | <u>1.498.215.822</u> |

15b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | <i>146.000.000</i> | <i>146.000.000</i> |
| Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV - Phải trả tiền nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng | 146.000.000 | 146.000.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>440.000.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất - Phải trả tiền nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng | 300.000.000 | - |
| Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng các khách hàng khác dài hạn | 140.000.000 | - |
| Cộng | <u>586.000.000</u> | <u>146.000.000</u> |

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Trích quỹ trong kỳ</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 162.316.962 | 65.117.904 | (84.000.000) | 143.434.866 |
| Quỹ phúc lợi | 46.211.121 | 65.117.904 | (26.500.000) | 84.829.025 |
| Cộng | <u>208.528.083</u> | <u>130.235.808</u> | <u>(110.500.000)</u> | <u>228.263.891</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 31.507.470.000 | 2.910.368.538 | 2.500.237.146 | 36.918.075.684 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 773.745.727 | 773.745.727 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ | - | 136.090.435 | (272.180.871) | (136.090.436) |
| Số dư cuối kỳ trước | 31.507.470.000 | 3.046.458.973 | 3.001.802.002 | 37.555.730.975 |
| Số dư đầu năm nay | 31.507.470.000 | 3.046.458.973 | 3.118.677.291 | 37.672.606.264 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 63.007.765 | 63.007.765 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ | - | 130.235.808 | (260.471.616) | (130.235.808) |
| Số dư cuối kỳ nay | 31.507.470.000 | 3.176.694.781 | 2.921.213.440 | 37.605.378.221 |

17b. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.150.747 | 3.150.747 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 3.150.747 | 3.150.747 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.150.747 | 3.150.747 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.150.747 | 3.150.747 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.150.747 | 3.150.747 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 19 tháng 04 năm 2021 như sau:

| | VND |
|-------------------------------|-------------|
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển | 130.235.808 |
| • Trích Quỹ khen thưởng | 65.117.904 |
| • Trích Quỹ phúc lợi | 65.117.904 |

18. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 641.437.440 | 641.437.440 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 2.565.749.760 | 2.565.749.760 |
| Trên 05 năm | 12.522.967.664 | 13.470.186.240 |
| Cộng | 15.730.154.864 | 16.677.373.440 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tiền thuê đất của các hợp đồng thuê đất dài hạn được tính theo đơn giá thuê đang áp dụng cho năm 2021 và có thể thay đổi hoặc điều chỉnh trong tương lai theo chính sách của Nhà nước. Hiện nay, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đang cho Công ty thuê ba vị trí với hợp đồng thuê dài hạn bao gồm vị trí 50 đường Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 và 75-77 đường Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 cùng đến hạn đến ngày 01 tháng 1 năm 2046 với giá tiền thuê lần lượt là 2.136.288 đồng/m²/năm, 1.942.080 đồng/m²/năm và vị trí 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 với hạn thuê đến ngày 27 tháng 6 năm 2058, giá thuê là 1.921.920 đồng/m²/năm; với mục đích làm văn phòng và kinh doanh. Còn các vị trí thuê khác được Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cho thuê theo ngắn hạn và trả tiền hàng năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa | - | 748.319.772 |
| Doanh thu bán thành phẩm | - | 1.022.631.313 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 245.026.950 | 752.867.361 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 4.242.979.471 | 6.470.333.636 |
| Cộng | 4.488.006.421 | 8.994.152.082 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | - | 349.163.638 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | 41.818.182 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 436.363.638 | 191.568.183 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | - | 299.905.976 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | - | 972.056.855 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 196.000.000 | 982.837.121 |
| Giá vốn của tài sản cho thuê | 1.758.184.281 | 2.917.784.896 |
| Cộng | 1.954.184.281 | 5.172.584.848 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 908.641.615 | 825.602.938 |
| Doanh thu hợp tác kinh doanh | 270.500.000 | - |
| Cộng | 1.179.141.615 | 825.602.938 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.165.077.372 | 1.636.679.904 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 7.468.500 | 30.099.700 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 5.872.708 | 49.720.634 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 50.337.498 | 53.313.710 |
| Thuế, phí và lệ phí | 23.366.000 | 120.848.566 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 188.336.996 | 778.049.122 |
| Các chi phí khác | 413.837.197 | 957.806.442 |
| Cộng | 1.854.296.271 | 3.626.518.078 |

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 63.007.765 | 773.745.727 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến ⁽ⁱ⁾ | (9.451.165) | (113.145.096) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 53.556.600 | 660.600.631 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 3.150.747 | 3.150.747 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 17 | 210 |

⁽ⁱ⁾ Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích theo tỷ lệ là 15% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự kiến của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành.

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.468.500 | 939.484.998 |
| Chi phí nhân công | 1.382.805.077 | 1.928.978.930 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 101.189.382 | 104.165.594 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.879.814.396 | 4.409.948.636 |
| Chi phí khác | 437.203.197 | 1.192.295.917 |
| Cộng | 3.808.480.552 | 8.574.874.075 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 1.745.454.545 | 872.727.273 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 3.384.242.424 | 2.109.090.909 |
| Cộng | 5.129.696.970 | 2.981.818.182 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động trong tương lai ở trên bao gồm:

- Tiền cho thuê văn phòng tại 25 Tôn Thất Thiệp, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Công ty cho thuê dưới hình thức cho thuê hoạt động với giá thuê 80.000.000 VND/tháng (giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.
- Tiền cho thuê văn phòng tại 75-77 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Công ty cho thuê dưới hình thức cho thuê hoạt động với giá thuê lần lượt là 180.000.000 VND/tháng (từ 01/5/2021 đến 30/4/2022), 192.600.000 VND/tháng (từ 01/5/2022 đến 30/4/2023), 206.082.000 VND/tháng (từ 01/5/2023 đến 30/4/2024) với giá thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Chức vụ | Thù lao | Lương thưởng | Cộng |
|------------------------|---|------------|--------------|-------------|
| Kỳ này | | | | |
| Ông Lê Văn Hùng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 18.000.000 | - | 18.000.000 |
| Ông Hoàng Phong Giao | Thành viên Hội đồng quản trị | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| Ông Trương Quang Thống | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc | 12.000.000 | 181.711.906 | 193.711.906 |
| Ông Nguyễn Lê Dũng | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc | 12.000.000 | 271.918.925 | 283.918.925 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Chức vụ | Thù lao | Lương thưởng | Cộng |
|----------------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| Ông Bùi Minh Tuấn | Thành viên Hội đồng quản trị | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh | Trưởng Ban Ban kiểm soát | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| Ông Từ Văn Trí | Thành viên Ban kiểm soát | 6.000.000 | - | 6.000.000 |
| Bà Đoàn Thị Phương Linh | Thành viên Ban kiểm soát | 6.000.000 | - | 6.000.000 |
| Bà Nguyễn Ngọc Liên Khương | Thư ký Hội đồng quản trị | 6.000.000 | - | 6.000.000 |
| Cộng | | 96.000.000 | 453.630.831 | 549.630.831 |
| Kỳ trước | | | | |
| Bà Nguyễn Thị Hương Giang | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 18.000.000 | - | 18.000.000 |
| Ông Vũ Đình Thi | Thành viên Hội đồng quản trị | 6.000.000 | 135.839.507 | 141.839.507 |
| Ông Nguyễn Lê Dũng | Tổng giám đốc | - | 107.191.157 | 107.191.157 |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Thành viên Hội đồng quản trị | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| Ông Trương Quang Thống | Thành viên Hội đồng quản trị | 12.000.000 | 166.504.948 | 178.504.948 |
| Ông Bùi Minh Tuấn | Thành viên Hội đồng quản trị | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh | Trưởng Ban Ban kiểm soát | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| Ông Trần Thanh Tùng | Thành viên Ban kiểm soát | 6.000.000 | - | 6.000.000 |
| Ông Tô Phan Trung Thái | Thành viên Ban kiểm soát | 6.000.000 | - | 6.000.000 |
| Bà Võ Thị Kim Yến | Thư ký Hội đồng quản trị | 6.000.000 | - | 6.000.000 |
| Cộng | | 90.000.000 | 409.535.612 | 499.535.612 |

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|------------------|
| Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV | Chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|---------|-------------|
| Nhận ký quỹ đảm bảo hợp đồng | - | 146.000.000 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.15.

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Kinh doanh hàng hóa.
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thành phẩm.
- Lĩnh vực 3: Kinh doanh dịch vụ.
- Lĩnh vực 4: Kinh doanh cho thuê tài sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực 1 | Lĩnh vực 2 | Lĩnh vực 3 | Lĩnh vực 4 | Cộng |
|--|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Kỳ này | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | - | - | 245.026.950 | 4.242.979.471 | 4.488.006.421 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | - | 245.026.950 | 4.242.979.471 | 4.488.006.421 |
| Giá vốn hàng bán trực tiếp của bộ phận | - | - | 196.000.000 | 1.758.184.281 | 1.954.184.281 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | - | - | 49.026.950 | 2.484.795.190 | 2.533.822.140 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (1.854.296.271) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 679.525.869 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 1.179.141.615 |
| Chi phí tài chính | | | | | (1.748.407.821) |
| Thu nhập khác | | | | | 43 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (60.912.883) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | 13.660.942 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 63.007.765 |
| Kỳ trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 748.319.772 | 1.022.631.313 | 752.867.361 | 6.470.333.636 | 8.994.152.082 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 748.319.772 | 1.022.631.313 | 752.867.361 | 6.470.333.636 | 8.994.152.082 |
| Giá vốn hàng bán trực tiếp của bộ phận | 299.905.976 | 972.056.855 | 982.837.121 | 2.917.784.896 | 5.172.584.848 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 448.413.796 | 50.574.458 | (229.969.760) | 3.552.548.740 | 3.821.567.234 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lĩnh vực 1 | Lĩnh vực 2 | Lĩnh vực 3 | Lĩnh vực 4 | Cộng |
|---|------------|------------|------------|------------|--------------------|
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (3.702.195.203) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 119.372.031 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 825.602.938 |
| Chi phí tài chính | | | | | (188.658.603) |
| Thu nhập khác | | | | | 236.365.793 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (165.689.803) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (53.246.629) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 773.745.727 |

Công ty không phân bổ tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản phải thu các cá nhân liên quan đến thủ tục pháp lý của dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1 và dự án khác, và các khoản lãi dự thu Công ty có thể kiểm soát được rủi ro tín dụng liên quan đến các công nợ này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Cộng |
|--|---|---|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.447.574.800 | - | 2.447.574.800 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 30.000.000.000 | - | 30.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 369.577.419 | - | 369.577.419 |
| Các khoản phải thu khác | 678.138.981 | 780.403.661 | 1.458.542.642 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | 878.238.342 | 878.238.342 |
| Cộng | 33.495.291.200 | 1.658.642.003 | 35.153.933.203 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.613.219.474 | - | 2.613.219.474 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 28.000.000.000 | - | 28.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | - | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 724.627.402 | 780.403.661 | 1.505.031.063 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | 878.238.342 | 878.238.342 |
| Cộng | 31.337.846.876 | 1.658.642.003 | 32.996.488.879 |

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính chủ yếu là 1 năm trở xuống.

4c. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.447.574.800 | - | 2.613.219.474 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 30.000.000.000 | - | 28.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 369.577.419 | - | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.458.542.642 | (780.403.661) | 1.505.031.063 | (780.403.661) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 878.238.342 | (878.238.342) | 878.238.342 | (878.238.342) |
| Cộng | 35.153.933.203 | (1.658.642.003) | 32.996.488.879 | (1.658.642.003) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Các khoản phải trả khác | 1.784.223.172 | 1.656.215.822 |
| Cộng | 1.784.223.172 | 1.656.215.822 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2021



Nguyễn Thị Kim Nga
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Liên Khương
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Dũng
Tổng giám đốc

